PHỤ LỤC I. DANH MỤC HỒ SƠ, TÀI LIỆU
THEO YÊU CẦU CỦA TỔ CHI NSNN - KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Thông báo số /TB-BGĐ ngày /6/2023 của Ban Giám đốc Sở)

STT	Nội dung, tài liệu	Phân công tổng hợp, báo cáo
1	Báo cáo quyết toán ngân sách 2021 của địa phương (*Bản cứng phô tô*)	Phòng NS
2	Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc phê chuẩn quyết toán NSĐP năm 2021 tỉnh Hà Tĩnh (*Bản cứng phô tô*)	Phòng NS
3	Các văn bản do Sở Tài chính ban hành hoặc tham mưu cho UBND tỉnh ban hành để triển khai, hướng dẫn công tác lập dự toán hàng năm;	Phòng NS
4	Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh về định mức chi thường xuyên thời kỳ ổn định ngân sách;	Phòng NS
5	Các hồ sơ, mẫu biểu lập dự toán chi thường xuyên theo quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn hàng năm (nếu có) của tỉnh và các huyện/thị/thành phố trực thuộc và đơn vị dự toán cấp I; Bản cứng kèm bản mềm về cơ sở tính toán	Phòng NS, NSHX, HCSN, Giá CS&TCDN
6	Quyết định giao dự toán năm 2022 của Chính phủ, Bộ Tài chính cho tỉnh (kể cả quyết định ban đầu và điều chỉnh, bổ sung nếu có);	Phòng NS
7	Phương án phân bổ dự toán của UBND tỉnh (do Sở Tài chính lập) trình HĐND tỉnh. Bản cứng kèm bản mềm.	Phòng NS
8	Nghị quyết về giao dự toán ngân sách năm 2022 của HĐND tỉnh; các chế độ chính sách an sinh xã hội hiện hành;	Phòng NS, NSHX, HCSN, Giá CS&TCDN
9	Các quyết định giao dự toán năm 2022 của UBND tỉnh cho các huyện, các sở, ngành...;Kèm bản mềm về cơ sở tính toán, phân bổ	Phòng NS, NSHX, HCSN
10	Phương án điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2022 được Thường trực HĐND tỉnh phê chuẩn.	Phòng NS, NSHX, HCSN, Giá CS&TCDN
11	Các Báo cáo số B1-02, B1-02a, B1-02b/BC-NS theo Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/8/2017 của Bộ Tài chính	Phòng Ngân sách chủ trì, phối hợp các phòng liên quan
12	Báo cáo tài chính, BCQT năm 2021,2022 của các đơn vị dự toán do Sở Tài chính chuyên quản	Phòng HCSN, Giá CS&TCDN, NS
13	Các văn bản (thông báo dự toán, quyết định) của Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT về cấp kinh phí bổ sung có mục tiêu)	Phòng NS
14	Tổng hợp báo cáo thu - chi ngân sách năm 2022 (số liệu đến thời điểm 30/6/2023), gồm: Cân đối quyết toán, tình hình thực hiện dự toán thu, tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách (Mẫu số 60,61,62 kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC)	Phòng NS

STT	Nội dung, tài liệu	Phân công tổng hợp, báo cáo
15	Các Quyết định của UBND tỉnh về giao dự toán; bổ sung dự toán chi ngân sách cho đơn vị dự toán hoặc ngân sách cấp dưới từ nguồn CTMTQG từ ngân sách cấp trên hoặc NSĐP (yêu cầu cung cấp Quyết định của UBND tỉnh về việc giao, bổ sung dự toán từ nguồn CTMTQG, bổ sung có mục tiêu từ NSTW và quyết định giao bổ sung có mục tiêu từ nguồn ngân sách cấp tỉnh) **Bảng kê**	Phòng NSHX, HCSN, NS
16	Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng kinh phí CTMTQG (báo cáo tổng hợp và chi tiết theo từng đơn vị dự toán của từng cấp ngân sách; từng xã). Tổng hợp kinh phí chưa sử dụng chuyển năm sau, tổng số và chi tiết tại từng đơn vị (đơn vị dự toán của tỉnh; đơn vị dự toán của từng huyện; xã) theo từng nội dung kinh phí chi tiết chuyển nguồn	Phòng NSHX chủ trì, phối hợp NS, HCSN, TCĐT, Giá CS&TCDN
17	Số liệu tổng hợp và chi tiết các khoản được ghi thu, ghi chi qua ngân sách trong năm 2022, các hồ sơ, tài liệu, chứng từ kèm theo; kết hợp với số ghi thu, ghi chi tại Báo cáo theo Mẫu số 07-01/BC-KB Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/8/2017 của Bộ Tài chính	Phòng Ngân sách chủ trì, phối hợp các phòng liên quan
18	Tổng hợp các khoản chi ngân sách bằng hình thức lệnh chi tiền (Bản mềm kèm lệnh chi và chứng từ kèm theo); **(Phụ lục 06)**	Phòng NS, Giá CS&TCDN
19	Bảng cân đối tài khoản B9-01/KB theo Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28/8/2017 của Bộ Tài chính (lưu ý các tài khoản 8953, 9264, 9265, 9595 và 9597…) kèm theo các lệnh ghi thu, ghi chi lưu trữ tại KBNN.	Phòng Ngân sách chủ trì, phối hợp các phòng liên quan
20	Báo cáo chi tiết các khoản chi chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022 và việc sử dụng các khoản chuyển nguồn từ năm 2021 sang năm 2022 (**Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02**); báo cáo chi tiết các khoản chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 **(Phụ lục số 03)**; (STC tổng hợp chi chuyển nguồn đối với NS cấp tỉnh, báo cáo số liệu chi chuyển nguồn NS huyện, xã); Các văn bản (quyết định) chi chuyển nguồn ngân sách của năm 2021 và năm 2022 gửi KBNN đề nghị chuyển nguồn kinh phí sang niên độ 2023. (Ghi chú cung cấp bản mềm kèm quyết định chuyển nguồn cụ thể)	Phòng NS, NSHX, HCSN, TCĐT, Giá CS&TCDN
21	Quản lý, sử dụng kết dư ngân sách 2021 sang 2022, bản kê phân tích chi tiết kết dư NS tỉnh năm 2022 (Chi tiết cấp tỉnh, huyện, xã). Đối với kết dư ngân sách 2021, bảng kê chi tiết nội dung, kèm theo dõi sử dụng nguồn và quyết định kèm theo (Cung cấp bản mềm kèm quyết định)	Phòng NS, NSHX
22	Chi bổ sung kinh phí cho ngân sách cấp dưới; các khoản chi nộp ngân sách cấp trên (Cung cấp bảng kê các khoản bổ sung cho ngân sách cấp huyện năm 2022- Chi tiết theo từng huyện và nội dung chi)- Cung cấp toàn bộ khối huyện chậm nhất ngày 21/6/2023	Phòng NSHX, NS
23	Báo cáo tổng hợp việc xác định nguồn và nhu cầu CCTL năm 2022; nhu cầu CCTL năm 2022 các đơn vị trong tỉnh (Bảo cáo tổng hợp nguồn và nhu cầu của toàn tỉnh gửi ra Bộ Tài chính, Các thông báo thẩm định của Bộ Tài chính về nguồn, nhu cầu nguồn kinh phí CCTL của tỉnh; Bảng thẩm định nhu cầu tiền lương của Sở tài chính đối với các huyện và các đơn vị dự toán; Báo cáo việc sử dụng nguồn tiền lương của NS tỉnh, kèm quyết định cấp phát) Cung cấp bản mềm cơ sở tính toán.	Phòng NS, NSHX, HCSN
24	Bảng tổng hợp các khoản tạm ứng/ứng trước của NSĐP và NSTW năm 2022 (bao gồm cho các dự án đầu tư và các nhiệm vụ chi thường xuyên).	Phòng NS, NSHX, HCSN, Giá CS&TCDN, TCĐT

STT	Nội dung, tài liệu	Phân công tổng hợp, báo cáo
25	Báo cáo tình hình sử dụng dự phòng, tăng thu, thưởng vượt thu ngân sách cấp tỉnh ; Các phương án sử dụng nguồn tăng thu, thưởng vượt thu; ý kiến của Thường trực HĐND, báo cáo việc sử dụng nguồn tăng thu trình HĐND **(Phụ lục 04 và Phụ lục 05)**	Phòng NS
26	Biên bản xét duyệt hoặc thẩm định quyết toán ngân sách năm niên độ 2022 đối với các đơn vị dự toán cấp I thuộc tỉnh và các huyện.	Phòng NS, NSHX, HCSN, Giá CS&TCDN
27	Cung cấp bản mềm theo dõi sử dụng các nguồn: 1. Nguồn chuyển nguồn năm 2021 sang năm 2022 (Bảng kê chi tiết các khoản chuyển nguồn từ năm 2022 sang năm 2023, bang kê sử dụng trong năm 2022 kèm quyết định) 2. Nguồn chưa phân bổ theo dự toán đầu năm 3. Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh 4. Nguồn dự phòng ngân sách tỉnh 5. Nguồn bổ sung từ ngân sách trung ương 6. Nguồn kết dư năm 2021 7. Nguồn tiền lương năm 2022 8. Nguồn chi khác 9. Bảng kê chi tiết các khoản chuyển nguồn từ năm 2022 sang năm 2023 kèm quyết định	Phòng NS, NSHX, HCSN, TCĐT, Giá CS&TCDN
28	Báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị thanh tra, kiểm toán của đơn vị; các biên bản, kết luận thanh tra, kiểm tra, xét duyệt quyết toán của các cơ quan có thẩm quyền và báo cáo về việc thực hiện các kết luận, kiến nghị về công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công liên quan đến niên độ kiểm tra; kết hợp với Báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị kiểm toán gửi KTNN (Kèm theo mẫu 69 Thông tư số 342/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính)	Phòng Giá CS&TCDN, Thanh tra, NS
29	Tổng hợp các khoản chi chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh, huyện, xã, thống kê số liệu theo các nhóm chuyển nguồn của địa phương, bộ, cơ quan trung ương quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 64 Luật NSNN	Phòng NS, NSHX, HCSN, Giá CS&TCDN
30	Cung cấp các biên bản thẩm tra quyết toán của Sở Tài chính đối với các đơn vị dự toán, ngân sách cấp huyện và các nội dung cấp phát bằng lệnh chi tiền	Phòng NS, NSHX, HCSN, Giá CS&TCDN
31	Đối với các quỹ ngoài ngân sách: Cung cấp số dư đầu kì, số phát sinh tăng phát sinh giảm trong kỳ và số dư cuối kì	Phòng NS, NSHX, HCSN, Giá CS&TCDN
32	Các tài liệu liên quan khác khi Tổ kiểm toán yêu cầu	Tất cả các phòng

Phụ lục số 01

BÁO CÁO VỀ CÁC KHOẢN CHUYỂN NGUỒN NĂM 2021 SANG NĂM 2022

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Tại đơn vị nào	GHI CHÚ
	Nội dung A		CN NS tỉnh tại cấp)	
	Nội dung B		CN tại đơn vị	

Phụ

BÁO CÁO VỀ CÁC KHOẢN CHUYỂN NGUỒN NĂM 2021 SANG NĂM 2022 VÀ VIỆC SỬ DỤNG CÁC KHOẢN CHUYỂN NGU

STT	NỘI DUNG	Tổng số chuyển nguồn	Sỗ đã sử dụng năm 2022	Số còn lại	Cấp cho đơn vị
1	**Nội dung A (Qdinh số …)**				
	Cấp phát năm 2022, Qdinh A				Huyện A
	Câp phat năm 2022 qdinh B				Đơn vị B
2	**Nội dung B (Qdinh sô…)**				
	Cấp phát năm 2022, Qdinh A				
	Câp phat năm 2022 qdinh B				

ı lục số 02
UỒN NÀY

GHI CHÚ

Phụ lục số 03

BÁO CÁO VỀ CÁC KHOẢN CHUYỂN NGUỒN NĂM 2022 SANG NĂM 2023

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	Tại đơn vị nào	GHI CHÚ
	Nội dung A		CN NS tỉnh tại cấp)	
	Nội dung B		CN tại đơn vị	

Phụ lục số 04

BÁO CÁO VỀ DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH NĂM 2022

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	CẤP CHO ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
I	DỰ PHÒNG NS THEO DỰ TOÁN ĐẦU NĂM			
II	SỐ ĐÃ SỬ DỤNG TRONG NĂM			
1	Nội dung A (Qdinh số …)		Huyện A	
2	Nội dung B (Qdinh sô…)		Đơn vị B	
	…...			
III	SỐ CÒN LẠI CHƯA SỬ DỤNG			

Phụ lục số 05

BÁO CÁO VỀ SỬ DỤNG TĂNG THU NS NĂM 2021, 2022

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	CẤP CHO ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
I	**TĂNG THU NS NĂM 2021**			
1	**SỐ ĐÃ SỬ DỤNG TRONG NĂM**			
1.1	**Nội dung A (Qdinh số …)**		**Huyện A**	
1.2	**Nội dung B (Qdinh sô…)**		**Đơn vị B**	
	…...			
2	**SỐ CÒN LẠI CHƯA SỬ DỤNG**			
II	**TĂNG THU NS NĂM 2022**			
1	**SỐ ĐÃ SỬ DỤNG TRONG NĂM**			
…	…			
2	**SỐ CÒN LẠI CHƯA SỬ DỤNG**			

Phụ lục 06

TỔNG HỢP VIỆC CẤP PHÁT BẰNG LỆNH CHI TIỀN NĂM 2021

TT	Tên đơn vị	Tổng số tiền	Thực hiện năm 2022	Ghi chú
1	Đơn vị A			
	Nội dung A			
	Nội dung B			
2	Đơn vị B			
	Nội dung A			
	Nội dung B			
3	Đơn vị C			
	Tổng cộng	**0**	**0**	**0**

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Phần thu	Tổng số	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Phần chi	Tổng số	Chi NS cấp tỉnh
1	2	3	4	5	6	7	8
Tổng số thu					**Tổng số chi**		
A Tổng số thu cân đối ngân sách					**A Tổng số chi cân đối ngân sách**		
1 Các khoản thu NSĐP hưởng 100%					1 Chi đầu tư phát triển		
2 Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %					2 Chi trả nợ lãi, phí tiền vay		
3 Thu từ quỹ dự trữ tài chính					3 Chi thường xuyên		
4 Thu kết dư năm trước					4 Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính		
5 Thu chuyển nguồn từ năm trước sang					5 Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới		
6 Thu viện trợ					6 Chi chuyển nguồn sang năm sau		
7 Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên							
Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách							
- Bổ sung có mục tiêu							
- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)							
- Bội chi = chi - thu[1]							
B Vay của ngân sách cấp tỉnh[1] (chi tiết theo mục đích vay và nguồn vay)					**B Chi trả nợ gốc (chi tiết từng nguồn trả nợ gốc)[1]**		

Mẫu biểu số 60

Đơn vị: triệu đồng

Chi NS cấp huyện	Chi NS xã
9	10

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSĐP NĂM 2022

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách			
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã
A	B	-1	-2	(3)=(4)+(5)+(6)+(7)	-4	-5	-6	-7
	TỔNG SỐ (A+B+C+D+E)							
A	**THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**							
1	**Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý**							
	- Thuế giá trị gia tăng							
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác, dầu khí							
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp							
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt							
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước							
	- Thuế tài nguyên							
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí							
2	**Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý**							
	- Thuế giá trị gia tăng							
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp							
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt							
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước							
	- Thuế tài nguyên							
3	**Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**							
	- Thuế giá trị gia tăng							
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí							
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp							
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí							
	- Thu từ khí thiên nhiên							

	- Thuế tiêu thụ đặc biệt							
	Trong đó: - Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước							
	- Thuế tài nguyên							
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí							
	- Tiền thuê mặt đất, mặt nước							
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí							
4	**Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh**							
	- Thuế giá trị gia tăng							
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp							
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt							
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước							
	- Thuế tài nguyên							
5	**Lệ phí trước bạ**							
6	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp**							
7	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**							
8	**Thuế thu nhập cá nhân**							
9	**Thuế bảo vệ môi trường**							
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu							
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước							
10	**Phí, lệ phí**							
	Bao gồm: - Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước trung ương thu							
	- Phí, lệ phí do cơ quan nhà nước địa phương thu							
	Trong đó: phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản							
11	**Tiền sử dụng đất**							
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý							
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý							
12	**Thu tiền thuê đất, mặt nước**							
13	**Thu tiền sử dụng khu vực biển**							
	Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương							
	- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương							
14	**Thu từ bán tài sản nhà nước**							

	Trong đó: - Do trung ương							
	- Do địa phương							
15	**Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước**							
	Trong đó: - Do trung ương xử lý							
	- Do địa phương xử lý							
16	**Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước**							
17	**Thu khác ngân sách**							
	Trong đó: - Thu khác ngân sách trung ương							
18	**Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản**							
	Trong đó: - Giấy phép do Trung ương cấp							
	- Giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp							
19	**Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác**							
20	**Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế**							
21	**Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả xổ số điện toán)**							
II	**Thu về dầu thô**							
1	***Thu về dầu thô theo hiệp định, hợp đồng***							
1.1	Thuế tài nguyên							
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp							
1.3	Lợi nhuận sau thuế được chia của Chính phủ Việt Nam							
1.4	Dầu lãi được chia của Chính phủ Việt Nam							
1.5	Thuế đặc biệt							
1.6	Thu khác							
2	***Thu về Condensate theo hiệp định, hợp đồng.***							
3	***Phụ thu về dầu, khí***							
4	***Thu về khí thiên nhiên (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)***							
III	**Thu Hải quan**							
1	Thuế xuất khẩu							
2	Thuế nhập khẩu							
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu							
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu							
5	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam							

6	Thu chênh lệch giá hàng xuất nhập khẩu							
7	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan hải quan thực hiện							
8	Phí, lệ phí hải quan							
9	Thu khác							
IV	**Thu Viện trợ**							
V	***Các khoản huy động, đóng góp***							
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng							
2	Các khoản huy động đóng góp khác							
VI	**Thu hồi vốn của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính**							
1	***Thu từ bán cổ phần, vốn góp của Nhà nước nộp ngân sách***							
2	***Thu từ các khoản cho vay của ngân sách***							
2.1	Thu nợ gốc cho vay							
2.2	Thu lãi cho vay							
3	***Thu từ quỹ dự trữ tài chính***							
B	**VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**							
I	**Vay bù đắp bội chi NSĐP**							
1	Vay trong nước							
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước							
II	**Vay để trả nợ gốc vay**							
1	Vay trong nước							
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước							
C	**THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH**							
I	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**							
1	***Bổ sung cân đối***							
2	***Bổ sung có mục tiêu***							
2.1	*Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước*							
2.2	*Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước*							
II	**Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên**							
D	**THU CHUYỂN NGUỒN**							
E	**THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH**							

Mẫu biểu số 61

So sánh QT/DT (%)	
Cấp trên giao	**HĐND quyết định**
(8)=(3):(1)	(9)=(3):(2)

Mẫu biểu số 62

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Dùng cho Ủy ban nhân dân cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung chi	Dự toán năm		Quyết toán năm				So sánh QT/DT(%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định	Tổng số Chi NSĐP	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã	Cấp trên giao	HĐND quyết định
A	B	1	2	(3)=(4)+(5)+(6)	4	5	6	(7)=(3):(1)	(8)= (3):(2)
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH**								
I	**Chi đầu tư phát triển**								
1	**Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực**								
1.1	Chi quốc phòng								
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội								
1.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề								
1.4	Chi Khoa học và công nghệ								
1.5	Chi Y tế, dân số và gia đình								
1.6	Chi Văn hóa thông tin								
1.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn								
1.8	Chi Thể dục thể thao								
1.9	Chi Bảo vệ môi trường								
1.1	Chi các hoạt động kinh tế								
1.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể								
1.12	Chi Bảo đảm xã hội								
1.13	Chi ngành, lĩnh vực khác								
2	**Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công**								
3	**Chi đầu tư phát triển khác**								
II	**Chi trả nợ lãi vay theo quy định**								

III	**Chi thường xuyên**								
2.1	Chi quốc phòng								
2.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội								
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề								
2.4	Chi Khoa học và công nghệ								
2.5	Chi Y tế, dân số và gia đình								
2.6	Chi Văn hóa thông tin								
2.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn								
2.8	Chi Thể dục thể thao								
2.9	Chi Bảo vệ môi trường								
2.1	Chi các hoạt động kinh tế								
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể								
2.12	Chi Bảo đảm xã hội								
2.13	Chi khác								
IV	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**								
V	**Chi chuyển nguồn**								
B	**CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI**								
1	Bổ sung cân đối								
2	Bổ sung có mục tiêu								
	Tr. đó: - Bằng nguồn vốn trong nước								
	- Bằng nguồn vốn ngoài nước								
C	**CHI NỘP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**								
	TỔNG SỐ (A+B+C)								

Mẫu biểu số 69

BÁO CÁO TÌNH HÌNH KIỂM TOÁN, THANH TRA NĂM …

(Dùng đơn vị dự toán cấp I các cấp báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp; UBND cấp dưới báo cáo cơ quan tài chính cấp trên trực tiếp)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Số kiến nghị của		Số xử lý năm…..		Số tồn tại chưa xử lý		Ghi chú
		Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	Thanh tra	Kiểm toán	
I	**Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra các năm trước còn tồn tại chưa xử lý**							
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách							
	Chi tiết:							
	…							
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách							
	Chi tiết:....							
	….							
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán							
a	Nộp trả ngân sách:							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
b	Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
4	Bổ sung quyết toán ngân sách năm nay							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
II	**Kiến nghị của kiểm toán, thanh tra năm nay**							
1	Các khoản thu phải nộp ngân sách							
	Chi tiết:							
	…							
2	Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách							

	Chi tiết:....							
	…							
3	Số chi sai chế độ phải xuất toán							
a	Nộp trả ngân sách:							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
b	Cơ quan tài chính giảm trừ cấp phát							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
4	Chuyển quyết toán ngân sách năm sau							
	Trong đó: - Xây dựng cơ bản							
	- Chi thường xuyên							
III	**Các vấn đề khác liên quan cần giải trình**							
	……							